

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 01 – 2022

*V/v: Tranh chấp về
hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Diệu.
2. Ông Nguyễn Tiên Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 675/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu T1 - Sinh năm: 1990 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Trú tại: Số xx đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Anh Đào Duy T2 – sinh năm: 1975 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Số xv/c đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số vc/x đường X, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T1 trình bày:

Tôi và anh Đào Duy T2 chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 02 con chung là cháu Đào Uyên T3– sinh ngày 18/12/2011 và cháu Đào Uyên N– sinh ngày: 21/10/2018.

Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng nhỏ nhặt. Tuy nhiên, từ khoảng 04 năm trở lại đây mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt dẫn đến cãi vã và xô xát nhau, gây ồn ào làm ảnh hưởng đến gia đình hai bên và hàng xóm xung quanh. Hiện nay, tôi cảm thấy vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống được nữa. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đào Duy T2.

Về con chung: Tôi xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung là cháu Đào Uyên T3 và cháu Đào Uyên N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đào Duy T2 trình bày: Tôi và cô Phạm Thị Thu T1 chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 02 con chung là cháu Đào Uyên T3– sinh ngày 18/12/2011 và cháu Đào Uyên N– sinh ngày 21/10/2018.

Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và lối sống của vợ chồng ngày càng nhiều khác biệt. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải, níu kéo nhưng không được. Đồng thời kể từ 07 tháng trở lại đây, vợ chồng chúng tôi cũng không gặp mặt trực tiếp để nói chuyện cũng như để tôi thăm nom, chăm sóc con chung vì các con chung hiện do cô Thúy chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay cô Phạm Thị Thu T1 cương quyết xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi đồng ý để cô Phạm Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trình bày quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, qua các tài liệu chứng cứ đã được Thu T1 lập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85, Điều 110, Điều 116, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu T1. Chị Phạm Thị Thu T1 được ly hôn với anh Đào Duy T2.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Đào Uyên

T3– sinh ngày 18/12/2011 và cháu Đào Uyên N– sinh ngày: 21/10/2018 cho chị Phạm Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Đào Duy T2 có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Chị Phạm Thị Thu T1 và anh Đào Duy T2 chung sống với nhau và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận số 29, ngày 22/02/2012. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã phát sinh những mâu thuẫn mà cho đến nay không thể hòa giải và hàn gắn được. Xét mâu thuẫn gia đình giữa chị Phạm Thị Thu T1 và anh Đào Duy T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T1.

Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là cháu Đào Uyên T3– sinh ngày 18/12/2011 và cháu Đào Uyên N– sinh ngày: 21/10/2018. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có ý kiến giao các con chung cho chị Phạm Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Xét ý kiến của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung, nguyện vọng của cháu Đào Uyên T3 là phù hợp với thực tế đời sống chung và đảm bảo cho quyền lợi của các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao cháu Đào Uyên T3– sinh ngày 18/12/2011 và cháu Đào Uyên N– sinh ngày: 21/10/2018 cho chị Phạm Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 85, Điều 110, Điều 116, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T1. Chị Phạm Thị Thu T1 được ly hôn với anh Đào Duy T2.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Đào Uyên T3– sinh ngày 18/12/2011 và cháu Đào Uyên N– sinh ngày: 21/10/2018 cho chị Phạm Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Anh Đào Duy T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004101 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND phường L, thành phố B
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Hải An